

2. Ho

Ho là triệu chứng thường gặp của bệnh phổi, nhưng bệnh của các cơ quan khác cũng có thể ảnh hưởng đến phổi mà sinh ra ho. Vì vậy rất nhiều có triệu chứng này. Nguyên nhân dẫn đến ho tuy nhiều, nhưng không ngoài hai mặt ngoại cảm và nội thương.

a. Ngoại cảm ho hắc: Phát sốt, sợ lạnh, mũi nghẹt, hắt hơi, ho có đờm lỏng và trắng hoặc kèm đau đầu.

Cách chữa: *Đại chùy, Phong trì, Hợp cốc, Phế du, Liệt khuyết.*

Các huyệt kể trên đều dùng hào kim vê chuyển tiến kim, thủ pháp bình bổ, bình tả, lưu kim 20 phút.

Giải nghĩa của phương: *Đại chùy, Phong trì, Hợp cốc* để tuyên thông^(*) dương khí, sơ giải biểu tà. *Liệt khuyết* tuyên phế để dứt ho. *Phế du* là chỗ khí của phế tạng chuyển qua, tả thì lưu điều phế khí, bổ thì hòa ích phế khí, vì vậy là huyệt chính để chữa ho.

b. Nội thương ho hắc: Có lúc ho, lúc không, nhổ ra đờm trắng, dính, hoặc ho khan không có đờm, họng khô, đau rát, ngứa, miệng khô, môi hồng, có trường hợp đau ở ngực và lưng trên, lòng bàn tay, lòng bàn chân nóng.

Cách chữa: Lấy các huyệt *Phế du, Đại trù, Túc tam lý, Như tế.*

Dùng hào kim châm bổ, thêm cứu sau khi châm.

Giải nghĩa của phương: Lấy *Phế du* để tuyên thông phế khí, bổ phế để dứt ho. *Đại trù* khứ phong tuyên phế. *Túc tam lý* bổ tỳ, ích khí. *Ngư tế* có thể thanh phế hỏa mà dứt ho.

^(*) Tuyên thông: Khí thông thuận lợi.